

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *10* /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày *05* tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công đối với danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại các mục 1, 3, 4, 5 phần II, Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, được sửa đổi bổ



sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

Người lao động, người quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công và thanh toán kinh phí thực hiện sản phẩm dịch vụ công thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương

1. Địa bàn thuộc vùng III, gồm các phường: Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Bình Thuận, Hà Giang 1, Hà Giang 2 và xã Ngọc Đường: **hệ số 0,5.**

2. Địa bàn thuộc vùng IV, gồm các xã: Hùng Lợi, Trung Sơn, Thái Bình, Tân Long, Xuân Vân, Lục Hành, Yên Sơn, Nhữ Khê, Kiến Thiết, Thượng Lâm, Lâm Bình, Minh Quang, Bình An, Yên Phú, Bạch Xa, Phù Lưu, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hoà, Hùng Đức, Sơn Dương, Tân Trào, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Minh Thanh, Tân Mỹ, Yên Lập, Tân An, Chiêm Hoá, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Trung Hà, Na Hang, Côn Lôn, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Hoà An, Lũng Cú, Đồng Văn, Sà Phìn, Phố Bàng, Lũng Phìn, Sùng Máng, Sơn Vĩ, Mèo Vạc, Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà, Thắng Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Đường Thượng, Lũng Tám, Cán Tỷ, Nghĩa Thuận, Quán Bạ, Tùng Vài, Yên Cường, Đường Hồng, Bắc Mê, Minh Ngọc, Lao Chải, Thanh Thủy, Phú Linh, Linh Hồ, Bạch Ngọc, Vị Xuyên, Việt Lâm, Tân Quang, Đồng Tâm, Liên Hiệp, Bằng Hành, Bắc Quang, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Tiên Yên, Xuân Giang, Bằng Lang, Yên Thành, Quang Bình, Tân Trịnh, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Nậm Dịch, Tân Tiến, Hoàng Su Phì, Thàng Tín, Bản Mày, Pờ Ly Ngải, Xín Mần, Pà Vầy Sủ, Nậm Dẩn, Trung Thịnh, Khuôn Lũng, Minh Sơn, Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá, Thượng Sơn, Cao Bồ, Ngọc Long, Giáp Trung, Tiên Nguyên, Quảng Nguyên: **hệ số 0,4.**

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 32 Mục III Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ; Tài chính; Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - Xã hội;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở DLQG về VB QPPL tỉnh (đăng tải);
- Như điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Ngọc Hà

